

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và
các công ty con**

Báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng
kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 4 tháng 12 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 4 tháng 12 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh
Bà Nguyễn Hoàng Yên
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Lars Kjaer
Ông Dominic Edward Salter Price

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ ngày 25
tháng 4 năm 2014)

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/3/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	31/3/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.120.903	11.198.630	4.873.305	12.352.670
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	4.608.179	5.698.563	711.440	1.379.279
Tiền	111		315.919	203.577	10.843	11.831
Các khoản tương đương tiền	112		4.292.260	5.494.986	700.597	1.367.448
Đầu tư ngắn hạn	120	10	2.634.166	3.287.000	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4	1.342.622	975.138	4.078.113	10.893.087
Phải thu khách hàng	131		502.396	351.434	-	-
Trả trước cho người bán	132		429.439	360.236	136.122	139.141
Phải thu khác	135		412.531	265.252	3.941.991	10.753.946
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.744)	(1.784)	-	-
Hàng tồn kho	140	5	1.294.439	1.070.334	-	-
Hàng tồn kho	141		1.314.404	1.091.073	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(19.965)	(20.739)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		241.497	167.595	83.752	80.304
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		41.816	28.718	1.423	489
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		137.795	100.506	48.183	46.866
Tài sản ngắn hạn khác	158		61.886	38.371	34.146	32.949

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		36.133.694	35.303.511	20.607.249	19.375.093
Các khoản phải thu dài hạn	210	4	524.629	450.183	4.117.738	2.875.015
Phải thu dài hạn khác	218		524.629	450.183	4.117.738	2.875.015
Tài sản cố định	220		21.437.730	23.121.361	77.206	81.122
Tài sản cố định hữu hình	221	6	16.306.413	1.731.429	63.229	68.036
<i>Nguyên giá</i>	222		17.196.648	2.457.614	92.565	92.565
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(890.235)	(726.185)	(29.336)	(24.529)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	7	54.962	58.327	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300	67.300	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(12.338)	(8.973)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	8	1.519.602	1.288.672	2.927	3.065
<i>Nguyên giá</i>	228		1.870.121	1.597.069	4.335	4.214
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(350.519)	(308.397)	(1.408)	(1.149)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	3.556.753	20.042.933	11.050	10.021
Đầu tư dài hạn	250	10	10.736.783	10.761.467	16,355,220	16.355.220
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	7.422.796	7.422.796
Đầu tư vào công ty liên kết	252		10.733.183	10.757.867	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	258		3.600	3.600	-	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.434.552	970.500	57.085	63.736
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.814.771	403.353	47.702	53.311
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		127.829	87.572	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		67.856	42.456	9.383	10.425
Lợi thế thương mại	269	12	424.096	437.119	-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		46.254.597	46.502.141	25.480.554	31.727.763

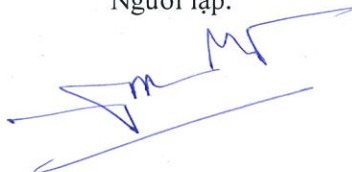
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		22.880.197	23.240.644	11.263.586	17.472.541
Nợ ngắn hạn	310		6.657.669	9.783.892	551.568	3.684.322
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	3.474.995	6.635.910	188.100	2.311.300
Phải trả người bán	312		1.013.918	942.375	2.461	9.286
Người mua trả tiền trước	313		75.255	22.163	-	-
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	14	188.632	483.421	239	386
Phải trả nhân viên	315		5.542	20.387	-	-
Chi phí phải trả	316	15	1.798.757	1.578.366	360.613	479.911
Phải trả khác	319	16	100.570	101.270	155	883.439
Vay và nợ dài hạn	330		16.222.528	13.456.752	10.712.018	13.788.219
Nợ dài hạn khác	333	16	209.202	234.688	1.040.342	1.812.997
Vay và nợ dài hạn	334	17	14.820.179	12.067.096	9.671.676	11.975.222
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1.189.895	1.151.716	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		3.252	3.252	-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		14.790.019	14.432.969	14.216.968	14.255.222
Vốn chủ sở hữu	410	18	14.790.019	14.432.969	14.216.968	14.255.222
Vốn cổ phần	411	19	7.349.113	7.349.113	7.349.113	7.349.113
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	9.601.627	9.601.627	9.601.627	9.601.627
Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	97.703	97.703	97.703	97.703
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.122	(43.098)	-	-
Vốn khác	418		(8.512.319)	(8.929.770)	(1.586.675)	(1.586.675)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		6.250.773	6.357.394	(1.244.800)	(1.206.546)
LỢI ÍCH CỎ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		8.584.381	8.828.528	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		46.254.597	46.502.141	25.480.554	31.727.763

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

Tập đoàn

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Tổng doanh thu	01	21	2.753.803	1.575.226
Các khoản giảm trừ	02	21	38.790	41.240
Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)	10	21	2.715.013	1.533.986
Giá vốn hàng bán	11	22	1.632.394	1.026.687
Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)	20		1.082.619	507.299
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	193.308	139.756
Chi phí tài chính	22	24	316.912	73.096
Chi phí bán hàng	24		618.254	345.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		248.676	176.442
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		92.085	51.550
Thu nhập khác	31	25	12.252	96.431
Chi phí khác	32	26	5.828	16.266
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.424	80.165
Lợi nhuận /(lỗ) từ các công ty liên kết	41	27	39.316	(14.900)
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		137.825	116.815
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		117.007	119.505
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52		(2.078)	(37.821)
Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		22.896	35.131

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

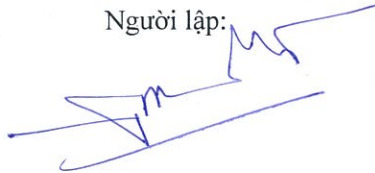
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN

Tập đoàn

Mã Thuyết số minh	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND		
Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60	22.896	35.131	
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61	129.503	34.512	
Chủ sở hữu của Công ty	62	(106.607)	619	
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70 28	(143)	1	

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Eric

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
(tiếp theo)

<u>Tập đoàn</u>	Mã số	Giá định ⁽¹⁾	
		Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Tổng doanh thu	01	2.753.803	1.575.226
Các khoản giảm trừ	02	38.790	41.240
Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)	10	2.715.013	1.533.986
Giá vốn hàng bán	11	1.632.394	1.026.687
Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)	20	1.082.619	507.299
Doanh thu hoạt động tài chính	21	193.308	139.756
Chi phí tài chính	22	316.912	73.096
Chi phí bán hàng	24	618.254	345.967
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	160.824	134.482
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}		179.937	93.510
Thu nhập khác	31	12.252	96.431
Chi phí khác	32	5.828	16.266
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	6.424	80.165
Lợi nhuận/(lỗ) từ các công ty liên kết	41	205.143	153.627
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50	391.504	327.302
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	117.007	119.505
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	2.374	(35.197)
Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60	272.123	242.994

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
(tiếp theo)

Tập đoàn	Mã số	Thuyết minh	Giá định ⁽¹⁾	
			Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Lợi nhuận thuần (60 = 50 - 51 - 52) (mang từ trang trước sang)	60		272.123	242.994
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		165.639	49.659
Chủ sở hữu của Công ty	62		106.484	193.335
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	28	143	266

(1)

- a) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại từ việc tái chuyển nhượng cổ phần của của Ngân hàng Techcombank cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 và 2013.
- b) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty cổ phần Vinacafe Biên Hòa cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 và 2013.
- c) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thực Ăn Gia Súc cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 và 2013.
- d) Cộng lại khoản phân bổ lợi thế thương mại và phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Nước Khoáng Vĩnh Hảo cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014.
- e) Cộng lại khoản phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty Cổ phần Kronfa cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014.
- f) Cộng lại khoản phân bổ giá mua từ thương vụ mua lại Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

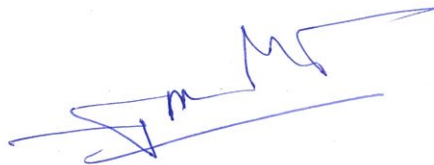
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN

Công ty

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Tổng doanh thu	01	21	-	-
Các khoản giảm trừ	02	21	-	-
Doanh thu thuần (10 = 01 – 02)	10	21	-	-
Giá vốn hàng bán	11	22	-	-
Lợi nhuận gộp (20 = 10 – 11)	20		-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	321.627	298.759
Chi phí tài chính	22	24	323.329	360.505
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.067	52.307
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		(39.769)	(114.053)
Thu nhập khác	31	25	1.515	72.723
Chi phí khác	32	26	-	-
Kết quả của các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		1.515	72.723
Lỗ trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(38.254)	(41.330)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
Lỗ thuần (60 = 50 - 51 - 52)	60		(38.254)	(41.330)

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Eric

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		137.825	116.815	(38.254)	(41.330)
Điều chỉnh cho						
Khấu hao và phân bổ	02		283.927	105.494	10.713	6.757
Các khoản dự phòng	03		5.522	3.943	-	-
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(107)	16	-	-
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		2.557	67	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi và duy trì hạn mức vay	05		(135.983)	(98.703)	319.415	(258.732)
Chi phí lãi vay và duy trì hạn mức vay	06		255.839	64.602	(321.620)	354.310
(Lợi nhuận)/lỗ từ các công ty liên kết	07		(39.316)	14.900	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		510.264	207.134	(29.746)	61.005
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(440.428)	(408.160)	560	(137.636)
Biến động hàng tồn kho	10		(229.667)	(227.318)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		722.657	(284.569)	(32.783)	(48.839)
			562.826	(712.913)	(61.969)	(125.470)
Tiền lãi vay đã trả	13		(651.418)	(35.562)	(281.347)	(154.594)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	14		(374.016)	(85.545)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(5.287)	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(462.608)	(839.307)	(343.316)	(280.064)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(1.002.050)	(1.449.217)	(1.188)	(7.231)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		428	100	-	-
Tiền chi cho công ty con vay	23		-	-	(1.066.676)	(1.116.851)
Tiền chi cho bên thứ ba vay	23		(62.500)	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(5.853.084)	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		6.505.918	1.553.500	-	68.000
Tiền đầu tư vào công ty con	25		-	(207.463)	-	(207.463)
Tiền chi cho đầu tư khác	25		-	(437.279)	-	-
Tiền thu từ cho công ty con vay	26		-	-	-	310.000
Tiền thu từ lãi tiền gửi và cổ tức	27		162.989	213.691	8.341	11.548
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(248.299)	(326.668)	(1.059.523)	(941.997)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>		
		Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013	
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
	LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
	Tiền thu từ góp vốn của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31	29.144	2.782.702	-	-
	Tiền thu từ vay ngắn hạn và dài hạn	33	4.668.299	1.172.222	735.000	-
	Tiền chi trả nợ gốc vay cho ngân hàng và các đơn vị khác	34	(5.076.131)	(1.649.390)	-	-
	Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính	40	(378.688)	2.305.534	735.000	-
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(1.089.595)	1.139.559	(667.839)	(1.222.061)
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5.698.563	5.718.717	1.379.279	2.160.026
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(789)	-	-	-
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	4.608.179	6.858.276	711.440	937.965

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Chuyển đổi khoản vay phải thu từ công ty con với khoản vay phải trả của công ty con khác	-	-	6.949.241	-

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Mẫu B 09 – DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		31/3/2014	31/12/2013
Công ty TNHH Một Thành Viên MasanConsumerHoldings	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Kinh doanh và phân phối	77,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thực phẩm Ma San	Kinh doanh Thực phẩm	77,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	77,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	77,4%	74,2%
Công ty TNHH Một Thành Viên Ma San HD	Sản xuất mì ăn liền	77,4%	74,2%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	73,2%	70,1%
Công ty TNHH Một Thành Viên Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	77,4%	74,2%
Công ty Cổ phần Ma San Agri	Tư vấn quản lý	39,5%	37,9%
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	Sản xuất đồ uống	41,2%	39,5%
Công ty Cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất đồ uống	49,2%	47,1%
Công ty Cổ phần TM DV & SX Krôngpha	Sản xuất đồ uống	49,2%	47,1%
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	100%

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế tại	
		31/3/2014	31/12/2013
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	74,9%	75,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	74,9%	75,9%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	74,9%	75,9%
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác và chế biến quặng	74,9%	75,9%

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm thực tế các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty trong các công ty con.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Các báo cáo tài chính này cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn cho giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Cơ sở hợp nhất

Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11 *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21 *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của Tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng).

Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch *hợp nhất kinh doanh* cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iii) Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ tài nguyên mỏ	16 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn đến năm năm.

(iii) Thương hiệu

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được tính bằng việc chiết khấu các khoản tiền bản quyền mà doanh nghiệp tiết kiệm được từ việc sở hữu thương hiệu đó. Giá trị hợp lý của thương hiệu phát sinh khi hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm đến 20 năm.

(iv) Quan hệ khách hàng

Mối quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua việc mua lại công ty con, được vốn hóa và trình bày như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng phương pháp tính lãi vượt trội trong nhiều giai đoạn, theo đó tài sản này được định giá sau khi trừ đi phần lợi nhuận hợp lý tính cho các tài sản khác đã góp phần tạo ra các luồng lưu chuyển tiền đó. Giá trị hợp lý của mối quan hệ khách hàng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(v) Tài nguyên nước khoáng

Tài nguyên nước khoáng mà Tập đoàn có được từ việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng có được từ việc hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách sử dụng phương pháp so sánh trực tiếp. Phương pháp so sánh trực tiếp ước tính giá trị của tài nguyên nước khoáng bằng cách so sánh giá tham khảo/giao dịch gần nhất của tài nguyên nước khoáng tương tự trong cùng một vùng. Giá trị hợp lý của tài nguyên nước khoáng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 - 19 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

(ii) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

(iv) Chi phí vay

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

(v) Phí nâng cấp trang web

Phí nâng cấp trang web được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con và công ty liên kết.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(iii) *Vốn khác*

Biến động vốn chủ sở hữu do việc hợp nhất kinh doanh, lãi/lỗ từ việc mua lại công cụ vốn chủ sở hữu và việc mua lại/thanh lý lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận trong vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.

(q) *Doanh thu*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(r) *Doanh thu tài chính và chi phí tài chính*

(i) *Doanh thu tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

(ii) *Chi phí tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(s) *Lãi trên cổ phiếu*

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong kỳ.

(t) *Các bên liên quan*

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt	2.359	3.367	169	470
Tiền gửi ngân hàng	313.560	200.210	10.674	11.361
Các khoản tương đương tiền	4.292.260	5.494.986	700.597	1.367.448
	4.608.179	5.698.563	711.440	1.379.279

4. Các khoản phải thu

Phải thu khác bao gồm:

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải thu ngắn hạn khác				
Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	142.244	142.244	3.922.317	10.734.312
Lãi trích trước phải thu	76.953	51.906	1.235	1.250
Thuế giá trị gia tăng của nhà thầu nước ngoài	6.892	11.947	6.892	6.837
Các dịch vụ phải thu	11.547	11.547	11.547	11.547
Doanh thu trích trước phải thu	120.476	-	-	-
Phải thu khác	54.419	47.608	-	-
	412.531	265.252	3.941.991	10.753.946
Các khoản phải thu dài hạn khác				
Lãi phải thu dài hạn	37.341	25.395	-	-
Phải thu dài hạn khác	487.288	424.788	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác từ các công ty liên quan	-	-	4.117.738	2.875.015
	524.629	450.183	4.117.738	2.875.015

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Phải thu khác từ các công ty liên quan bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/3/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/3/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>	<u>Triệu VND</u>
Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ				
Phi thương mại – ngắn hạn	142.244	142.244	142.244	142.244
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Phi thương mại – ngắn hạn	-	-	3.780.073	10.592.068
Phi thương mại – dài hạn	-	-	4.117.738	2.875.015

Phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều kiện hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014, các khoản phải thu ngắn hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty bao gồm:

- Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 15% một năm với số tiền là 956.529 triệu VND đối với hạn mức vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 108 triệu USD, chưa được giải ngân. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2014;
- Một hợp đồng cấp vốn không được đảm bảo giữa Công ty và công ty con có số vốn gốc là 487.500 triệu VND. Khoản vay này không chịu lãi và được trả vào ngày đáo hạn trong năm 2014;
- Số tiền 2.062.398 triệu VND là khoản gốc vay 1.962.320 triệu VND và khoản lãi phải thu 100.078 triệu VND, đáo hạn trong năm 2014 và chịu lãi suất 12% một năm;
- Số tiền 216.248 triệu VND là khoản gốc vay 210 tỷ VND và khoản lãi phải thu 6.248 triệu VND, đáo hạn trong năm 2014 và chịu lãi suất 10% một năm;
- Số tiền 22.960 triệu VND là khoản lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2014, cho khoản vay 620 tỷ VND cho vay trong năm 2013 đã được hoàn trả trong năm 2013; và
- Khoản phải thu phi thương mại ngắn hạn còn lại từ các công ty liên quan khác với số tiền là 34.438 triệu VND không được đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo điều khoản của hợp đồng.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2014, các khoản phải thu dài hạn – phi thương mại từ các công ty liên quan khác của Công ty không được đảm bảo và phải thu theo điều khoản của hợp đồng, bao gồm:

- Phí duy trì hạn mức vay với lãi suất 4,25% đến 15% một năm đến ngày 28 tháng 2 năm 2014 với số tiền là 1.177.961 triệu VND đối với hạn mức vay không có đảm bảo cho các công ty con với số tiền là 110 triệu USD và 2.095 tỷ VND, chưa được giải ngân. Và 107.436 triệu VND liên quan đến khoản gốc vay và lãi phải thu. Phí duy trì hạn mức vay này được trả trong năm 2014 và 2016;

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

- b) 288.898 triệu VND liên quan đến lãi phải thu, đáo hạn trong năm 2019, từ khoản vay 2.000 tỷ VND cấp cho một công ty con trong năm 2011 mà khoản vay này đã được hoàn trả trong năm 2012;
- c) 524.629 triệu VND liên quan khoản gốc vay và tiền lãi phải thu, được trả trong năm 2016; và
- d) 2.018.814 triệu VND là khoản gốc vay 1.951.945 triệu VND và khoản lãi phải thu 66.869 triệu VND, đáo hạn trong năm 2018 và chịu lãi suất 12% một năm.

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	1.784	378
Tăng dự phòng trong kỳ	-	1.493
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	(57)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(40)	(30)
Số dư cuối kỳ	1.744	1.784

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

5. Hàng tồn kho

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Hàng mua đang đi đường	13.963	49.521	-	-
Nguyên vật liệu	484.043	381.333	-	-
Công cụ và dụng cụ	345.323	326.413	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	99.891	90.522	-	-
Thành phẩm	351.899	223.444	-	-
Hàng hóa tồn kho	19.285	19.840	-	-
	1.314.404	1.091.073	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(19.965)	(20.739)	-	-
	1.294.439	1.070.334	-	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Tập đoàn	
	Từ	2013
	1/1/2014	Triệu VND
	đến	Triệu VND
	31/3/2014	2013
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	20.739	11.991
Tăng dự phòng trong kỳ	8.649	38.187
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(6.336)	(24.495)
Dự phòng hoàn nhập trong kỳ	(3.087)	(4.944)
Số dư cuối kỳ	19.965	20.739

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

6. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa và cấu trúc	Tài nguyên mỏ khoáng sản	Nâng cấp tài sản thuê	Thiết bị văn phòng	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá							
Số dư đầu kỳ	627.019	-	94.220	71.834	1.605.642	58.899	2.457.614
Tăng trong kỳ	630	-	-	401	4.261	76	5.368
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.604.812	5.957.245	92	(12.172)	6.189.897	1.004	14.740.878
Thanh lý	(776)	-	-	-	(6.436)	-	(7.212)
Số dư cuối kỳ	3.231.685	5.957.245	94.312	60.063	7.793.364	59.979	17.196.648
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	86.063	-	29.111	32.932	552.702	25.377	726.185
Khấu hao trong kỳ	27.661	38.147	4.517	3.993	92.052	1.907	168.277
Thanh lý	(750)	-	-	-	(3.477)	-	(4.227)
Số dư đầu kỳ	112.974	38.147	33.628	36.925	641.277	27.284	890.235
Giá trị còn lại							
Số dư đầu kỳ	540.956	-	65.109	38.902	1.052.940	33.522	1.731.429
Số dư đầu kỳ	3.118.711	5.919.098	60.684	23.138	7.152.087	32.695	16.306.413

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

Công ty

	Nâng cấp tài sản thuê Triệu VND	Thiết bị văn phòng Triệu VND	Tổng Triệu VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	86.778	5.787	92.565
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	21.979	2.550	24.529
Khấu hao trong kỳ	4.388	419	4.807
Số dư cuối kỳ	26.367	2.969	29.336
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	64.799	3.237	68.036
Số dư cuối kỳ	60.411	2.818	63.229

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

7. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/ cuối kỳ	67.300
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	8.973
Khấu hao trong kỳ	3.365
Số dư cuối kỳ	12.338
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	58.327
Số dư cuối kỳ	54.962

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

8. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm vi tính	Nhãn hiệu	Quan hệ khách hàng	Tài nguyên nước khoáng	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	173.793	39.964	702.866	375.110	305.336	1.597.069
Tăng trong kỳ	-	279	-	-	-	279
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	272.773	-	-	-	272.773
Số dư cuối kỳ	173.793	313.016	702.866	375.110	305.336	1.870.121
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	20.194	17.363	125.665	142.788	2.387	308.397
Khấu hao trong kỳ	1.237	3.899	15.580	17.080	4.326	42.122
Số dư cuối kỳ	21.431	21.262	141.245	159.868	6.713	350.519
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	153.599	22.601	577.201	232.322	302.949	1.288.672
Số dư cuối kỳ	152.362	291.754	561.621	215.242	298.623	1.519.602

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty

	Phần mềm vi tính Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ	4.214
Tăng trong kỳ	121
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	4.335
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	1.149
Khấu hao trong kỳ	259
	<hr/>
Số dư cuối kỳ	1.408
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	3.065
Số dư cuối kỳ	2.927
	<hr/>

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu kỳ	20.042.933	15.317.924	10.021	71.628
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	1.047	-	-
Tăng trong kỳ	885.715	5.094.361	1.029	16.009
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.740.878)	(340.323)	-	(74.844)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(272.773)	(15.097)	-	(2.161)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.358.244)	(5.779)	-	(570)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(9.200)	-	(41)
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	3.556.753	20.042.933	11.050	10.021
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

10. Các khoản đầu tư

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Đầu tư dài hạn				
Đầu tư vào các công ty con	-	-	7.422.796	7.422.796
Đầu tư vào một công ty liên kết (a)	10.733.183	10.757.867	8.932.424	8.932.424
Đầu tư dài hạn khác	3.600	3.600	-	-
	10.736.783	10.761.467	16.355.220	16.355.220
Đầu tư ngắn hạn (b)				
	2.634.166	3.287.000	-	-
	2.634.166	3.287.000	-	-

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

	31/3/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	3.591.682	3.591.682
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.600
Công ty TNHH Một Thành Viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.200
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	2.873.314	2.873.314
	7.422.796	7.422.796

(a) Đầu tư các công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn lần lượt là khoản đầu tư 30,36% (31/12/2013: 30,36%) và 15,8% (31/12/2013: 15,14%) lợi ích kinh tế trong Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) và Công ty Cổ phần Việt Pháp Sản Xuất Thức ăn Gia súc (“Proconco”) tại ngày 31 tháng 3 năm 2014.

(b) Đầu tư ngắn hạn

Phần lớn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc trên ba tháng và dưới 12 tháng kể từ ngày giao dịch. Các khoản tiền gửi có kỳ hạn này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất năm là 6% - 7,3% trong kỳ (31/12/2013: 6% - 8%).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

11. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Chi phí trước hoạt động	Chi phí đất trả trước	Trục in Triệu VND	Công cụ và dụng cụ	Chi phí vay	Khác Triệu VND	Tổng Triệu VND
	Triệu VND	Triệu VND	VND	Triệu VND	Triệu VND	VND	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	58.796	2.226	1.143	34.372	306.816	-	403.353
Tăng trong kỳ	-	-	863	11.645	37.500	60.680	110.688
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	316.920	-	-	2.041.324	-	-	2.358.244
Phân bổ trong kỳ	(9.958)	(15)	(965)	(14.409)	(30.784)	(1.009)	(57.140)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	(251)	-	-	(251)
Thanh lý	-	-	-	(123)	-	-	(123)
Số dư cuối kỳ	365.758	2.211	1.041	2.072.558	313.532	59.671	2.814.771

Công ty

	Chi phí vay	Phí nâng cấp trang web	Tổng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	52.811	500	53.311
Tăng trong kỳ	-	38	38
Phân bổ trong kỳ	(5.544)	(103)	(5.647)
Số dư cuối kỳ	47.267	435	47.702

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

12. Lợi thế thương mại

	<u>Tập đoàn</u> Triệu VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ/cuối kỳ	520.945
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	83.826
Khấu hao trong kỳ	13.023
Số dư cuối kỳ	96.849
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	437.119
Số dư cuối kỳ	424.096

13. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngắn hạn	2.618.474	4.245.567	-	2.123.200
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 17)	856.521	2.390.343	188.100	188.100
	3.474.995	6.635.910	188.100	2.311.300

Điều kiện và điều khoản của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền tệ	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngân hàng:					
Tiền VND	VND	2.413.521	3.275.725	-	-
Tiền Đô la Mỹ	USD	204.953	968.762	-	-
Tiền EUR	EUR	-	1.080	-	-
		2.618.474	4.245.567	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

14. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/3/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/3/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	97.410	334.003	-	-
Thuế giá trị gia tăng	53.478	91.603	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	5.613	3.332	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	21.853	27.112	-	-
Các loại thuế khác	10.278	27.371	239	386
	188.632	483.421	239	386

15. Chi phí phải trả

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/3/2014</u>	<u>31/12/2013</u>	<u>31/3/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Lãi vay phải trả	262.824	423.814	203.525	303.400
Phải trả cho xây dựng công trình	128.299	66.563	-	-
Chi phí quảng cáo và khuyến mại	440.814	279.737	-	-
Phí tư vấn	112.815	104.365	22.335	32.476
Thưởng và lương tháng 13	156.297	198.675	-	-
Chiết khấu hàng bán	24.079	49.653	-	-
Chi phí vận chuyển	63.036	46.056	-	-
Thuế nhà thầu	180.159	33.729	757	5.251
Chi phí hàng tồn kho phải trả	67.416	16.252	-	-
Các khoản khác	363.018	359.522	133.996	138.784
	1.798.757	1.578.366	360.613	479.911

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

16. Phải trả khác

	Tập đoàn		Công ty	
	31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Phải trả ngắn hạn khác				
Bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội	8.841	155	155	155
Tiền ký quỹ ngắn hạn của khách hàng	-	1.509	-	-
Phải trả ngắn hạn khác cho một công ty con	-	-	-	883.284
Mua cổ phần công ty con	24.361	43.398	-	-
Phải trả khác	67.368	56.208	-	-
	100.570	101.270	155	883.439
Phải trả dài hạn khác				
Phải trả dài hạn khác cho một công ty con	-	-	958.902	1.725.360
Phải trả dài hạn	148.641	174.127	20.879	27.076
Nghĩa vụ phát hành cổ phiếu	60.561	60.561	60.561	60.561
	209.202	234.688	1.040.342	1.812.997

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

17. Vay và nợ dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay dài hạn (a)	6.741.982	8.519.274	3.983.254	6.286.800
Trái phiếu và các khoản vay chuyển đổi	1.176.522	1.176.522	1.176.522	1.176.522
Trái phiếu có đảm bảo	7.700.000	4.700.000	4.700.000	4.700.000
Nợ thuê tài chính	58.196	61.643	-	-
	15.676.700	14.457.439	9.859.776	12.163.322
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 13)	(856.521)	(2.390.343)	(188.100)	(188.100)
Hoàn trả sau 12 tháng	14.820.179	12.067.096	9.671.676	11.975.222

a. Vay dài hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/3/2014	31/12/2013	31/3/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Vay ngân hàng:				
Tiền VND	2.583.325	2.674.117	-	-
Tiền Đô la Mỹ	4.158.657	5.845.157	-	-
Khoản vay từ công ty con	-	-	3.983.254	6.286.800
	6.741.982	8.519.274	3.983.254	6.286.800

Khoản vay từ công ty con không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 10,5%-13% và phải trả theo các điều khoản trên hợp đồng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

18. Biến động của vốn chủ sở hữu

Tập đoàn

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiểu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(16.128)	(8.619.479)	5.925.652	13.883.837	5.820.548	19.704.385
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc phát hành vốn cổ phần từ các công ty con	-	-	-	-	1.808.208	-	1.808.208	759.916	2.568.124
Giảm lợi ích cổ đông thiểu số từ việc mua cổ phần của công ty con	-	-	-	-	(159.430)	-	(159.430)	(48.033)	(207.463)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	(5.791)	-	-	(5.791)	(3.127)	(8.918)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	619	619	34.512	35.131
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(3)	(3)	(8)	(11)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(21.919)	(6.970.701)	5.926.268	15.527.440	6.563.808	22.091.248

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Vốn khác	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	Cổ đông thiếu số	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	7.349.113	9.601.627	97.703	(43.098)	(8.929.770)	6.357.394	14.432.969	8.828.528	23.261.497
Giao dịch với cổ đông thiếu số trong MSC	-	-	-	-	512.575	-	512.575	(512.575)	-
Tăng lợi ích cổ đông thiếu số từ việc mua cổ phần của công ty con	-	-	-	-	(95.124)	-	(95.124)	124.268	29.144
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong một công ty con	-	-	-	46.220	-	-	46.220	14.661	60.881
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	(106.607)	(106.607)	129.503	22.896
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	-	-	-	(14)	(14)	(4)	(18)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2014	7.349.113	9.601.627	97.703	3.122	(8.512.319)	6.250.773	14.790.019	8.584.381	23.374.400

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(242.703)	15.820.854
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(41.330)	(41.330)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	6.872.801	7.999.167	1.721.824	(530.235)	(284.033)	15.779.524
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	(1.206.546)	14.255.222
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	-	(38.254)	(38.254)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2014	7.349.113	9.601.627	97.703	(1.586.675)	(1.244.800)	14.216.968

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)
Mẫu B 09 – DN

19. Vốn cổ phần và thặng dư vốn

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/3/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	734.911.338	7.349.113	734.911.338	7.349.113
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	734.911.338	7.349.113	734.911.338	7.349.113
Thặng dư vốn cổ phần	-	9.601.627	-	9.601.627

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014		2013	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND	Số lượng cổ phiếu	Triệu VND
Số dư đầu kỳ	734.911.338	7.349.113	687.280.123	6.872.801
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền	-	-	17.860.750	178.608
Phát hành cổ phiếu mới bằng cách chuyển đổi công cụ nợ của công ty con	-	-	29.770.465	297.704
Số dư cuối kỳ	734.911.338	7.349.113	734.911.338	7.349.113

20. Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của số cổ phiếu nhất định của Công ty sẽ được phát hành trong tương lai.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

21. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Tổng doanh thu				
▪ Thành phẩm	2.665.558	1.574.950	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	88.245	276	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(27.740)	(34.466)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(11.050)	(6.774)	-	-
Doanh thu thuần	2.715.013	1.533.986	-	-

22. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Tổng giá vốn hàng				
▪ Thành phẩm đã bán	1.626.832	1.022.779	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.562	3.908	-	-
	1.632.394	1.026.687	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2014</u> <u>đến</u> <u>31/3/2014</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến</u> <u>31/3/2013</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2014</u> <u>đến</u> <u>31/3/2014</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến</u> <u>31/3/2013</u> <u>Triệu VND</u>
Lãi thu từ:				
• Tiền gửi	124.036	98.703	8.326	8.346
• Cho vay	11.947	-	-	-
• Cho công ty con vay	-	-	136.603	23.811
Phí duy trì hạn mức vay cho các công ty con	-	-	176.691	226.575
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.475	3.907	7	4.143
Doanh thu hoạt động tài chính khác	55.850	37.146	-	35.884
	193.308	139.756	321.627	298.759

24. Chi phí tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>Từ 1/1/2014</u> <u>đến</u> <u>31/3/2014</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến</u> <u>31/3/2013</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2014</u> <u>đến</u> <u>31/3/2014</u> <u>Triệu VND</u>	<u>Từ 1/1/2013</u> <u>đến</u> <u>31/3/2013</u> <u>Triệu VND</u>
Chi phí lãi vay từ:				
• Ngân hàng	103.341	33.542	-	-
• Các trái chủ	152.498	31.060	181.663	112.430
• Công ty con	-	-	127.879	148.901
Phí duy trì hạn mức vay trả cho các công ty con	-	-	9.873	92.979
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.443	5.038	12	7
Chi phí tài chính khác	52.630	3.456	3.902	6.188
	316.912	73.096	323.329	360.505

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

25. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn	428	100	-	-
Thu từ bán phế liệu	3.781	5.258	-	-
Thu nhập khác	8.043	91.073	1.515	72.723
	12.252	96.431	1.515	72.723

26. Chi phí khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Giá trị ghi sổ của tài sản cố định và tài sản dài hạn đã thanh lý	1.027	219	-	-
Chi phí bán phế liệu	4.629	2.664	-	-
Chi phí khác	172	13.383	-	-
	5.828	16.266	-	-

27. Lỗ nhuận/(lỗ) từ các công ty liên kết

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Lợi nhuận từ các công ty liên kết	205.143	153.627	-	-
Điều chỉnh phát sinh từ việc phân bổ giá mua và phân bổ lợi thế thương mại	(165.827)	(168.527)	-	-
	39.316	(14.900)	-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

28. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 được dựa trên lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho cổ đông phổ thông của Tập đoàn là (106.607) triệu VND (kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013: 619 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ là 746.361.691 cổ phiếu (kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013: 727.454.058 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) **Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(106.607)	619

(ii) **Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	734.911.338	687.280.123
Ảnh hưởng của cổ phiếu đã phát hành riêng lẻ sau một thời gian	11.450.353	40.173.935
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	746.361.691	727.454.058

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính quý này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Tập đoàn

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	12.391	13.314

() Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 và 2013.*

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

Công ty:

Công ty liên quan	Bản chất giao dịch	Từ 1/1/2014 đến 31/3/2014 Triệu VND	Từ 1/1/2013 đến 31/3/2013 Triệu VND
Công ty con			
Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San	Chi phí lãi vay Phí duy trì hạn mức vay	127.879 9.873	148.901 92.979
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Khoản vay cấp cho công ty con Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	899.176 106.338	- -
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay Khoản vay cấp cho công ty con Thu hồi khoản vay từ công ty con	15.883 72.995 - -	22.848 92.979 930.000 310.000
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sơn Núi Pháo	Thu nhập từ phí duy trì hạn mức vay Khoản vay cấp cho công ty con Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	103.696 105.000 2.435	133.596 - -
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Khoản vay cấp cho công ty con Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	62.500 11.947	186.851 963
Ban quản lý chủ chốt	Thù lao trả cho ban quản lý chủ chốt (*)	2.120	2.328

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào cho kỳ báo cáo ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 và 2013.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

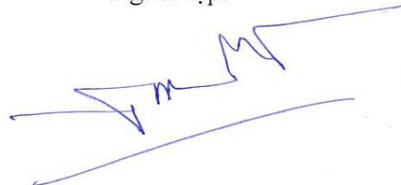
30. Giải trình biến động lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần quý 1 năm 2014 của Tập đoàn là 23 tỷ VND so với lợi nhuận thuần của cùng kỳ năm trước là 35 tỷ VND, giảm 35%. Các nguyên nhân chính dẫn đến biến động lợi nhuận thuần là do:

- Lợi nhuận thuần của Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Ma San tăng cao chủ yếu từ sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận gộp;
- Lợi nhuận từ các công ty liên kết tăng cao;
- Doanh thu tài chính giảm; và
- Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp tăng do đầu tư xây dựng thương hiệu và sản phẩm mới.

Kết quả kinh doanh riêng lẻ quý 1 năm 2014 của Công ty lỗ 38 tỷ VND so với khoản lỗ 41 tỷ VND của cùng kỳ năm trước chủ yếu là do tăng doanh thu tài chính và giảm chi phí tài chính.

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

eric